

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 266/2024/KDTM - ST
Ngày: 26 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Hồng Hải
- Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Ngọc Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2024/TLST-KDTM ngày 03 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 730/2024/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 447/2024/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên T

Trụ sở: A, ấp A, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, trú tại: 8 N, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 09.04/UQ.2024 ngày 09 tháng 4 năm 2024) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH K1

Trụ sở: Lô O - 03 Tầng 03 Block A Dự án Sky Center, số A P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Kim Khánh V; trú tại: MK4 B (số mới 5 B), Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty TNHH K1) vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2024 nguyên đơn là Công ty TNHH Một thành viên T và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị G đều trình bày: Vào năm 2016, giữa Công ty TNHH Một thành viên T (gọi tắt là Công ty T) và Công ty TNHH K1 (gọi tắt là K1) có thỏa thuận miệng với nhau về việc Công ty T1 sẽ bán cho K1 các loại phụ kiện ngành nhựa HDPE Độ Nhất như ống, lõi, y và một số vật tư khác. Hai bên thỏa thuận sau khi nhận được hàng và hóa đơn tài chính, K1 sẽ thanh toán cho Công ty T tiền hàng trong vòng 30 ngày. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2021, Công ty K1 đã đặt nhiều đơn hàng với tổng giá trị hàng hóa khoảng hơn 800.000.000 đồng. Công ty T đã giao đầy đủ hàng hóa, phiếu giao hàng và hóa đơn tài chính cho K1. Căn cứ Đối chiếu công nợ ngày 25-7-2022 ký giữa Công ty T và K1 thì K1 còn nợ Công ty T số tiền 157.315.469 đồng.

Ngày 13/3/2024, Công ty T đã gửi Thông báo số 02/2024/TD.PLASTC đề nghị thanh toán khoản nợ 157.315.469 đồng nhưng K1 không phản hồi và cũng không thực hiện việc thanh toán cho Công ty T số tiền trên. Vì vậy, Công ty T khởi kiện yêu cầu K1 phải thanh toán cho Công ty T số tiền 157.315.469 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 25/7/2022 đến ngày 25/3/2024 theo mức lãi suất 9%/năm là 23.597.320 đồng.

Đến ngày 15 tháng 8 năm 2024, Công ty T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tính lãi K1 phải trả, Công ty T chỉ còn yêu cầu K1 thanh toán số tiền nợ gốc 157.315.469 đồng.

* Bị đơn Công ty TNHH K1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tự khai để trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và hai lần xét xử nhưng bị đơn đều vắng mặt nên không có lời khai và ý kiến tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy giữa Công ty T và Công ty K1 không ký kết hợp đồng mua bán với nhau mà chỉ thỏa thuận miệng theo từng lần mua hàng. Công ty T có cung cấp các Hóa đơn giá trị gia tăng và các Phiếu giao hàng nhưng là tài liệu phô tô, tuy nhiên ngày 25/7/2022 hai bên ký đối chiếu công nợ, có nội dung Công ty K1 còn nợ Công ty T 157.315.469 đồng. Như vậy, Công ty K1 đến nay không thanh toán nợ gốc là vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 50 và

Điều 55 Luật Thương mại năm 2005, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty K1 thanh toán nợ gốc 157.315.469 đồng.

Về yêu cầu buộc trả lãi chậm thanh toán: Công ty T có đơn rút yêu cầu buộc Công ty K1 trả lãi chậm thanh toán, xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Công ty TNHH Một thành viên T (sau đây gọi tắt là Công ty T) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH K1 (sau đây gọi tắt là K1) phải thanh toán tiền mua hàng theo thỏa thuận đã giao kết. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH K1 đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 4 năm 2016, đăng ký thay đổi lần cuối cùng: ngày 12 tháng 7 năm 2018, thể hiện Công ty TNHH K1 có trụ sở tại Lô O - 03 Tầng 03 Block A Dự án Sky Center, số A P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

[1.3.1] Bà Nguyễn Thị G là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị G.

[1.3.2] Tại Văn bản số 798/ĐKKD-T6 ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cung cấp thì Công ty TNHH K1 có trụ sở tại Lô O - 03 Tầng 03 Block A Dự án Sky Center, số A P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, đến nay doanh nghiệp chưa đăng ký giải thể. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh về tình trạng nơi cư trú của bà Lê Kim K V là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH K1 như sau: “Bà Lê Kim Khánh V có hộ khẩu thường trú tại MK4 Bàu Cát (số mới 57/39 B), Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không cư ngụ tại địa phương, bỏ nhà đi đâu không rõ”. Kết quả trả lời xác minh của Công an phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Lê Kim Khánh V không cư trú tại chung cư A, F A, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhận thấy trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ trụ sở của người bị kiện theo địa chỉ trong hợp đồng và giấy chứng nhận đăng

ký kinh doanh, nhưng người bị kiện không có địa chỉ hoạt động ổn định, thường xuyên thay đổi địa chỉ hoạt động của công ty mà không thông báo cho người khởi kiện biết về địa chỉ hoạt động mới của công ty làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định đây thuộc trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Công ty K1 (có bà Lê Kim Khánh V là người đại diện theo pháp luật) là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Công ty K1.

[1.4] Về trình tự thủ tục hòa giải tại Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây được coi là trường hợp vụ án kinh doanh thương mại không tiến hành hòa giải được.

[1.5] Xem xét việc rút yêu cầu của đương sự: Theo đơn khởi kiện thì Công ty T yêu cầu K1 phải thanh toán số tiền 157.315.469 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 25/7/2022 đến ngày 25/3/2024 theo mức lãi suất 9%/năm là 23.597.320 đồng, nhưng đến ngày 15 tháng 8 năm 2024 Công ty T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tính lãi, Công ty T chỉ còn yêu cầu K1 thanh toán số tiền nợ gốc 157.315.469 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 5 và khoản 2 Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền lãi bị đơn phải trả. Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[1.6] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh địa chỉ hoạt động của bị đơn và nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01-8-2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hình thức, thẩm quyền giao kết hợp đồng: Công ty T giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty K1 thông qua người đại diện của công ty, hợp đồng được giao kết bằng lời nói, dựa trên sự tự nguyện của các bên. Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội

và phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của các bên nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 11 và Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019). Như vậy, hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty T và Công ty K1 phù hợp với quy định của pháp luật về điều kiện có hiệu lực của giao dịch thương mại nên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật, là căn cứ để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động thương mại.

[2.2] Theo các tài liệu, chứng cứ có do nguyên đơn xuất trình thể hiện giữa Công ty T (Bên bán) và Công ty K1 (Bên mua) có giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa được thể hiện bằng lời nói. Theo đó, trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2021, Công ty T đã bán cho K1 các loại phụ kiện ngành nhựa HDPE Đệ Nhất như ống, loi, y và một số vật tư khác. Hai bên thỏa thuận phương thức và thời hạn thanh toán khi bên mua nhận được hàng và chứng từ liên quan đến hàng hóa, bên mua sẽ thanh toán cho bên bán tiền hàng trong vòng 30 ngày, bằng phương thức thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thực hiện hợp đồng, Công ty T đã nhiều lần giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng, giao các chứng từ liên quan đến hàng hóa cho bên mua là Công ty K1. Như vậy, cho thấy Công ty T đã thực hiện đúng nghĩa vụ trong hợp đồng.

[2.3] Căn cứ Đối chiếu công nợ ngày 25-7-2022, thể hiện K1 còn nợ Công ty T số tiền 157.315.469 đồng, nhưng cho đến nay K1 vẫn chưa trả, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng được quy định tại Điều 50 và Điều 55 Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019). Về phía bị đơn là Công ty K1 đã được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên không có lời khai, cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh bị đơn đã thanh toán khoản tiền mua hàng còn nợ nêu trên sau khi hai bên lập Đối chiếu công nợ ngày 25-7-2022, nên bị đơn phải gánh chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Công ty T yêu cầu K1 phải thanh toán số tiền còn nợ 157.315.469đ (Một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm mười lăm nghìn bốn trăm sáu mươi chín) đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 157.315.469 đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại. Án phí bị đơn phải chịu là 7.865.773đ (Bảy triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi ba) đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên T số tiền 4.522.820đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi hai nghìn tám trăm hai mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0002050 ngày 27 tháng 6 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 11; Điều 24; Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 và năm 2018;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên T.

Buộc Công ty TNHH K1 phải thanh toán trả Công ty TNHH Một thành viên T số tiền 157.315.469đ (Một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm mười lăm nghìn bốn trăm sáu mươi chín) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty TNHH Một thành viên T về khoản tiền lãi Công ty TNHH K1 phải trả.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH K1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.865.773đ (Bảy triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi ba) đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên T số tiền 4.522.820đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi hai nghìn tám trăm hai mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0002050 ngày 27 tháng 6 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Đường sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính